

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Công nghiệp
địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 4827/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ
tục hành chính trong lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước, Công nghiệp
địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 81/TTr-SCT
ngày 09 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước, Công nghiệp địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải quyết) tại Quyết định số 4827/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương/UBND cấp huyện thuộc tỉnh Bình Định và Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa về nội dung thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương tại các cấp tỉnh, huyện, xã dưới hình thức “Sao y bản chính”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT, K6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 04 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC, CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 4707/QĐ-BCT ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương										
Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước (02 TTHC)										
1	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (2.000648.000.00.00.H08)	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Không	-	Có	Phí thẩm định: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định) - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở huyện:	Thời gian giải quyết TTHC	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định số	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
							600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)		08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (2.000647.000.00.00.H08)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Không	-	Có	Phí thẩm định: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/ điểm kinh doanh/ lần thẩm định) - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần	Thời gian giải quyết TTHC	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
							thẩm định)		- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương										
Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương (01 TTHC)										
3	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (2.000331.000.00.00.H08)	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Không	Không	Không	Không	Thời gian giải quyết TTHC	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày	Cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC				Mức độ 3	Mức độ 4				
									28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
Tổng số: 03 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (01 TTHC)

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
				Mức độ 3	Mức độ 4				
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2707/QĐ-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương									
Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương (01 TTHC)									
Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện (2.002096.000.00.00.H08)	25 ngày làm việc kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Không	-	-	Không	Thời gian giải quyết	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ;	Không

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến		Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
				Mức độ 3	Mức độ 4				
Mã số TTHC									
	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	địa chỉ 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn					TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	